

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Dự án đầu tư "Quản lý và giảm nhẹ rủi ro hạn hán và lũ lụt  
Tiểu vùng sông Mê công mở rộng" do ADB và AusAID tài trợ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định 48/2008/QĐ-TTg ngày 03/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hướng dẫn chung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nhóm 5 ngân hàng (ngân hàng phát triển Châu Á, cơ quan phát triển Pháp, ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng tái thiết Đức, ngân hàng Thế giới);

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt nội dung dự án Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án “Quản lý và giảm nhẹ rủi ro lũ lụt và hạn hán tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng” do ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ.

Căn cứ Văn bản số 2112/TTg-QHQT ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án Quản lý và giảm nhẹ rủi ro hạn hán và lũ lụt Tiểu vùng sông Mê công mở rộng, vay vốn ADB;

Căn cứ Biên bản ghi nhớ của Đoàn Tìm hiểu thực tế từ ngày 28/3 đến ngày 08/4/2011 do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tổ chức;

Xét Tờ trình số 1333/TTr-CPO-RETA ngày 26/9/2011 của Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Quản lý và giảm nhẹ rủi ro lũ lụt và hạn hán tiểu vùng sông Mê Kông

Thoi Tien, huyen Hong Ngan.  
Dong Thap Mui vua Kinh Chon xoi la ha sanh Tien khu vuc tren Thien  
taco, nam cap he thong kenh truc thoat lu va cung cap nua troi cho vuong  
- So Nong nghanep va PNT Dong Thap la chua dau tu 2 Tieu du an Cai

sot xam nhap man vuong Go Cong.  
sot va giam tri ro do lu vuong Ba Rai - Phu An va Nang cap he thong kiem  
- So Nong nghanep va PNT Tien Giang la chua dau tu 2 Tieu du an Kiem

qua.  
hop phan phi cong trinh va ho tro tang cung nam luc quan ly du an hieu  
hien chuc nam co quan dieu phoi chung toan du an, truc tiep la chua dau tu  
- Ban quan ly trunguong cac du an thuy loi (CPO) la chua du an thuc

### 5. Chu dau tu:

4. Co quan chua quan: Bo Nong nghanep va Phat trien nongthon.

3. Tien nha tai tri: Ngan hang phat trien Chau A (ADB) va To chuc  
phat trien Uc (AusAID) dong tai tro.

2. Dia diem xay dung: tai 2 tinh Tien Giang va Dong Thap.

1. Tien du an: Quan ly va giam nhe tri ro han han va lu hut Tieu vuong  
song Me cong mo rong.

Dieu 1. Phe tuyet Du an dau tu "Quan ly va giam nhe tri ro han han va  
lu hut Tieu vuong song Me cong mo rong" voi noi dung chua yeu nhu sau:

### QUYET DINH:

Theo de nghi cua Tong cuc truong Tong cuc Thuy loi, Vu truong Vu  
ke hoach,  
cua 2 du an neu tren;

Xet de nghi cua UBNND tinh Dong Thap tai To trinh so 41/TTr-UBND  
UBND ngay 26/01/2011 phe tuyet bao cao danh gia tac doong moi truong  
tinh Dong Thap 1168/QD-UBND.HC ngay 13/12/2010 va so 84/QD-  
tinh Dong Thap Mui vua Du an dau tu ke chon xoi lo bo song Tien khu vuc thi  
nam Thieuong Thoi Tien, huyen Hong Ngan, kem theo Quyet dinh cua UBNND  
UBND ngay 09/11/2011 ve viiec them dinh va phe tuyet cac Du an dau tu Cai tao,  
nang cap he thong kenh truc thoat lu va cung cap nua troi cho vuong

thong kien sot xam nhap man vuong Go Cong;

Xet de nghi cua UBNND tinh Tien Giang tai To trinh so 222/TTr-  
UBND ngay 11/11/2011 ve viiec them dinh va phe tuyet Du an dau tu Kiem  
sot va giam tri ro do lu vuong Ba Rai - Phu An va Du an dau tu Nang cap he  
thong kien sot xam nhap man vuong Go Cong;

Cong ty VissionR, An Do lap va cac bo so cac tieu du an thanh phan;  
mo rong (RETA) do ADB tai tro, kem theo Bao cao nghanien cua kha thi do

## **6. Tổ chức tư vấn và chủ nhiệm lập dự án:**

- Các tiêu dự án Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài - Phú An và Nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công do Viện Thủy lợi và Môi trường - Trường Đại học thủy lợi lập; chủ nhiệm dự án: TS. Trịnh Công Vấn.

- Tiêu dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh trực tiêu thoát lũ và cung cấp nước tưới cho vùng Đồng Tháp Mười do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng nông nghiệp lập; chủ nhiệm dự án: KS. Nguyễn Thị Ánh Tuyền.

- Tiêu dự án Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự do Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Thủy lợi thuộc Tổng Cục Thủy lợi; chủ nhiệm dự án: Th.S. Nguyễn Phương Nam.

- Phản hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp các tiêu dự án thành phần do Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ tư nhân Version RI Connexion - Ấn Độ lập; chủ nhiệm dự án: Divas B.Basnyat.

**7. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Mục tiêu tổng thể của dự án là nâng cao năng lực của cộng đồng nhằm chuẩn bị, đối phó, khắc phục các rủi ro và giảm thiệt hại đến mức thấp nhất do lũ lụt và hạn hán gây ra đối với kinh tế-xã hội của địa phương.

Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi bao gồm: Nạo vét, mở rộng 77 km kênh; tôn cao áp trúc, gia cố 60 km bờ bao kết hợp đường giao thông nông thôn; xây dựng hệ thống công điêu tiết, cầu giao thông; xây dựng 3,225 km kè bảo vệ bờ; để tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, bảo đảm an toàn cho nhân dân đồng thời cung cấp đủ nguồn nước tưới cho 185.872 ha canh tác.

- Nâng cao năng lực cộng đồng để quản lý lũ và hạn trong đó các hoạt động trọng tâm tập trung cho một số xã trong vùng dự án;

- Hợp tác vùng để quản lý các hiện tượng cực đoan nhằm thích ứng với diễn biến của biến đổi khí hậu và nước biển dâng như quản lý lũ tràn biên giới; xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế lũ, hạn ở ĐBSCL có sự hợp tác của MRC và các nước ven sông.

## **8. Nội dung dự án:**

Dự án gồm có 3 hợp phần:

- Hợp phần công trình, gồm 4 tiêu dự án:

+ Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài - Phú An, tỉnh Tiền Giang.

+ Nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công - tỉnh Tiền Giang.

+ Tiêu dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh trực tiêu thoát lũ và cung cấp nước tưới cho vùng Đồng Tháp Mười - tỉnh Đồng Tháp.

cho 2 tiêu chí ăn thuốc tĩnh Đông Thấp.

- Ngôn ngữ lập trình Đông Tháp: 147,79 tỷ đồng (tương đương 7,038 triệu USD), đạt từ 100% chi phí tư vấn, chi phí khác và 53% đến từ

cho 2 tiêu chí an toàn tĩnh Tiến Giang.

- Nguyễn Văn Sơn đổi sang Tinh Tien Giang: 89,086 tỷ đồng (trong đó có 4,242 triệu USD), đầu tư 100% chi phí tu vàn, chi phí khác và 53% đến từ

phi công trình và một số chi phí khác thuộc Hợp phần ho тро tàng cung nang

- Nguồn vốn đổi tiền Trung Quốc: 45,783 tỷ đồng (tương đương 2,18 triệu USD) đầu tư chi phí cho các phần việc của 3 tiêu chí an toàn hợp phần

phi công trình và một số chi phí khác thuộc Hồ Phan ho тро tang cung nang

- Người vốn hoảng hốt kinh hoàng hòan lại (AusAID): 114,45 tỷ đồng (tương đương 5,45 triệu USD), đây là 90% chi phí cho 3 tiêu chí an sinh xã hội phần

cho 4 tết dù sao thay đổi khát vọng Phan Công Trinh và Hợp Phan ho тро tang conցe nang luc duan ly du an.

- Nguồn vốn vay ADB: 945 tỷ đồng (tương đương 45 triệu USD), đầu tư 90% chi phí xây dựng, thiết bị, mót số chi phí khác và 47% đến từ tài chính cu

### **Phân chia người von:**

(Chi tiết xem phần lục 2 kèm theo)

+ Vốn đổi tinh Bóng Tháp: 147.790.000.000 đ

+ Vốn đổiинг tĩnh Tỉnh Giang: 89.086.000.000 đ

+ Vốn đối ứng Trung ương: 45.783.000.000 đ

+ Vốn hồ trợ không hoàn lại: 114.450.000.000 đ

+ Võn vay ADB: 945.000.000.000 đ

(Một ngón tay cầm bút mực hay, một tay cầm mực, tay kia cầm bút)

(US\$16,939,000) trong tháng 6/1991

Tổng mức đầu tư được duyệt là: 1.342.110.000.000 đồng

(សំណើរាយ និងការប្រើប្រាស់បច្ចេកទេស និងការប្រើប្រាស់បច្ចេកទេស នៃសាធារណរដ្ឋបាន)

- Hợp phần ho và rau có cùng cuống lá高三 tutte quan ly day am:

cho các xã thuộcURA Chùm vùng Vùng đất an:

+ Quan lý rủi ro là một phần quan trọng của quản lý rủi ro (CBEDRM).

+ Quản lýltreanbiengoiCambodia - VietNam.

DBSCL.

+ Lập chí dân thiết kế các công trình kèm sotát lì và hàn o

- Hợp phần phi công trình, gồm 3 tiêu chí sau:

Thường Thời Tiễn, huyện Hồng Ngự - tỉnh Đồng Tháp.

+ Tiêu du án Kế chонg xói lở bờ sông Tiesen khu vực thi trấn

**10. Các bước thiết kế:** Thiết kế 2 bước:

- Thiết kế cơ sở
- Thiết kế BVTC + TDT.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** 6 năm từ năm 2012 đến 2017.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**13. Phương thức thực hiện dự án:**

Thiết kế, thi công: Thực hiện theo Quy định hiện hành của Việt Nam và nhà tài trợ.

**Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:**

1. Tổng cục Thuỷ lợi chủ trì thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các Chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

2. Uỷ ban nhân dân các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp là cấp quyết định đầu tư các tiêu dự án trên địa bàn và chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ phần đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư trong phạm vi của tỉnh.

3. Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi và Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư (như khoản 5 Điều 1), quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng công trình, kinh phí đầu tư trong quá trình xây dựng đến khi kết thúc dự án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuỷ lợi, Thủ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang, Đồng Tháp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT, TC;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh  
Tiền Giang, Đồng Tháp;
- Kho bạc NN trung ương;
- Các Vụ KH, TC, HTQT;
- Ban CPO;
- Lưu VT, TCTL.



**Cao Đức Phát**



(

)

**PHỤ LỤC 1: QUY MÔ, NỘI DUNG CÁC HỢP PHẦN**  
*(Kèm theo Quyết định số 3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06 tháng 12 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**A. HỢP PHẦN CÔNG TRÌNH:**

**I. Tiêu dự án Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài - Phú An, tỉnh Tiền Giang.**

**1. Mục tiêu:**

Xây dựng bổ sung 28 cống đầu kênh, nhằm tăng cường khả năng kiểm soát lũ, ngăn triều, đảm bảo an toàn cho vùng trồng cây xuất cây ăn trái chất lượng cao có diện tích 4.540ha, của 7 xã thuộc huyện Cai Lậy và xã Đồng Hoà Hiệp thuộc huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang; tạo cơ hội cho người dân chủ động đầu tư vào sản xuất, tăng nguồn thu nhập, cải thiện hệ thống giao thông nông thôn và môi trường sinh thái, tạo thêm công ăn việc làm và phát triển kinh tế xã hội vùng dự án.

**2. Các chỉ tiêu thiết kế:**

- Công trình cấp: III
- Mức đảm bảo tưới: P = 85%
- Mức đảm bảo tiêu: P = 90%
- Mực nước tính toán tĩnh không phục vụ giao thông thủy: +2,0m

**3. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:**

**3.1. Các cống lớn: gồm 5 cống.**

- Trụ pin bằng BTCT M25 đổ tại chỗ, được cố nền bằng cọc BTCT M30 kích thước (30×30) cm.

- Đáy cống được cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M20 dày 30cm nằm trên lớp đá dăm dày 10cm. Sân trước, sân sau và mái kênh từ cao trình +0,00m trở xuống được cố bằng rọ đá bọc PVC dày 50cm nằm phía trên lớp đá dăm lót dày 10 cm và lớp vải địa kỹ thuật. Mái kênh từ cao trình +0,00m đến cao trình +2,50 m được cố bằng bê tông đúc sẵn M15 dày 20 cm nằm phía trên lớp vải địa kỹ thuật và cát thô dày 5 cm.

- Cửa van cống cao trình đỉnh +2,50 m dạng cửa van phẳng bằng thép không rỉ, tự động đóng mở hai chiều.

- Cầu giao thông kết cấu BTCT M30, các nhịp trên thân cống đổ tại chỗ, các nhịp biên dùng đầm dự ứng lực.

- BTCI M30, dồ胎 cho dày 30cm
- Cầu giao thông胎 trong 0,5HL93 với kho cầu 3,5m; bần mết cầu bằng thép không ri, tur đồng đồng mỏ hai chieu.
  - Cầu van công có cao trình dinh +2,50m là loại cửa van phẳng bằng cao trình +2,50m được giá có bẳng tam giác BTCI M20 dày 15cm.
  - Đầu công đồng giá có bẳng tam giác dài 30cm nằm phía trên lop dài 10cm và lop dài kỵ thuat. Mai kenh từ cao trình +0,50m đến lop dài xuông được giá có bẳng ro đà bọc PVC dày 30cm mai kenh từ cao trình +0,50m lop đà dài 10cm. San trước, san sau và mai kenh từ cao trình +0,50m kich thuoc (30x30) cm.
  - Trụ pin bẳng BTCI M25 dồ胎 cho, giá có nền bẳng cốc BTCI M30
  - Cao trình nցuồn công = -2,0m;

Rom, Ông Khoản, Lô Hòa Thượng) có bẽ rồng thông nցo B = 5m.  
- 7 công (Rắc Giồng, Rắc Giồng - Ba Sô, Thông Luu, Ông Ban, Thanh

Đường) có bẽ rồng thông nցo B = 4m.  
Kênh 3/6, Cá Chát, Cá Nưa, Khoản Minh, Bà Gon, Hải Hué, Lô Làng, Kênh  
- 13 công (Ap 2, Đồng Sao - Cá Nưa, Ấp Chua, Bà Keo, Hải Liêm,

lý, lây nցo, tiêu nցo, cù thê như sau:  
a) Công nցan lý: Gỗm 20 công kết hợp cầu giao thông có nhiem vu nցan

3.2. Các công vía vânh: gỗm 23 công.

TT	Tên công	Thông số kỵ thuat				
		Bồng	Δnցuồn	Tai rồng	Kho cầu	Tinh không
2	Thay Thành	10	-3,00	0,5HL93	4,0	3,5
1	Giồng Tre 1	10	-3,00	0,5HL93	4,0	3,5

TT	Tên công	Thông số kỵ thuat				
		Bồng	Δnցuồn	Tai rồng	Kho cầu	Tinh không
3	Giồng Tre 2	10	-2,00	HL93	8+2x1,0	2,5
2	Cái Lá	2x7,5	-3,00	HL93	8+2x1,0	2,5
1	Khang Chiên	10	-2,00	HL93	8+2x1,0	2,5

a) Công kết hợp giao thông có giới bờ (DT 864): Gỗm 03 công có thông số như sau:

- Chiều cao tĩnh không phục vụ giao thông thuỷ là 2,0 m.

b) Cổng tiêu qua đường (ĐT 864): Gồm 03 cổng (Cây Sung, Ranh Làng và Cây Me), kết cấu BTCT M25, mỗi cổng khẩu độ  $2\phi 100$  cm,  $\nabla_{ngưỡng} = -1,50$  m, đóng mở bằng cửa van phẳng.

3.3. Nhà quản lý: Nhà cấp IV, diện tích mặt bằng  $80 \text{ m}^2$ .

## II. Tiểu dự án Nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công - tỉnh Tiền Giang.

**1. Mục tiêu:** Nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn, cải tạo môi trường thị xã Gò công, giữ nước ngọt cho vùng dự án, đảm bảo nguồn nước tưới cho diện tích 34.732 ha đất canh tác nông nghiệp đồng thời giảm chi phí bơm tưới, làm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

### 2. Các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình	III
- Tần suất thiết kế	1,0 %
- Mức bảo đảm tưới	85%
- Mức bảo đảm tiêu	90%

### 3. Nội dung đầu tư các hạng mục công trình:

#### 3.1. Cổng ngăn mặn, giữ ngọt :

Xây dựng mới 3 cổng kết hợp cầu giao thông tải trọng HL93 (*Sơn Qui, Nguyễn Văn Côn và Salisete*) với hình thức cổng lộ thiên, cụ thể như sau:

Bảng thông số cơ bản 3 cổng:

Nội dung	Đơn vị	Cổng Sơn Qui	Cổng Nguyễn Văn Côn	Cổng Salisete
Chiều rộng cửa cổng (n x B)	(m)	2 x 10	2 x 7,5	1 x 10
Kích thước cửa van BxH	(m)	11 x 5,5	8 x 5,5	11 x 5,5
Cao trình ngưỡng cổng	(m)	- 3,0	- 3,0	- 3,0
Kích thước trụ pin (BxLxH)	(m)	1,1x21,5x5,5	1,1x21,5x5,5	1,1x21,5x5,5
Chiều rộng mặt cầu	(m)	7	7	7
Kênh dẫn thượng, hạ lưu:				
- Cao trình đáy kênh	(m)	- 3,0	- 3,0	- 3,0
- Chiều rộng đáy kênh	(m)	12	12	12
- Độ dốc mái kênh		1,5	1,5	1,5

**3. Các hàng mục công trình được duyệt.**

90%	- Mức bão đầm tiêu
85%	- Mức bão đầm trội
1,0 %	- Tần suất thièret kè
III	- Cấp công trình

**2. Các chỉ tiêu thièret kè công trình:**

trong khu vực.

Cái táo, nấm cấp hè thông công trình thủy lối lam tảng kha nảng tiêu hàn han lung bao phat trien kinh te xa hoi va cai thien moi truong sinh thai ngehiep; ton cao bo bao va tao nen khu dan cu, nham giam nhieu ru do do lu lut, thoa t lu va cap nung vao mua kho cho khu vuc 146.600ha dat san xuat nung

**1. Mục tiêu:**

cap nung tröi cho vung Dong Thap Mrot.

III. Tiêu chí an Cái táo, nấm cấp hè thông kênh trục tiêu thoát lu và cung

mối nhà 100m<sup>2</sup>.

Xây dựng 3 nhà quan lý tài vi tri 3 công, nhà cấp IV, diện tích sù dùng

**3.3. Nhà quan lý vận hành công :**

day 20 cm.

Xây dựng mới 1.900 m dê bao két hòp đường giao thông nội các công moi xay duong voi he thong de bao hien tai; Chieu rong mat de 6 m, do doc mai de m = 1, cao trinh mat de +2,5m, mat de duoc gia co bang da cap phoi moi xay duong voi he thong de bao hien tai; Chieu rong mat de 6 m, do doc

**3.2. Đề bao két hòp đường giao thông :**

- Cầu giao thông két cầu BCT M30.

- Chieu cao trinh khong phuc vu giao thông thủy là 2,5m.

- Cảnh van phanh băng thép không ri, đóng mó từ động.

Ký thuét và cat theo day 5cm.

Ban day cong duoc gia co bang ro da boc PVC day 50cm tren lop da dam lot day + 0,0 m duoc gia co bang ro da boc PVC day 50cm tren lop da dam lot day tren lop da dam lot day 10cm; San turoc, san sau va mai kenh duoi cao trinh + 0,0 m duoc gia co bang ro da boc PVC day 50cm tren lop da dam lot day + 0,0 m duoc gia co bang ro da boc PVC day 50cm tren lop da dam lot day

M30, kich thuoc 30 x 30cm.

- Tru pin bang BCT M25 do tai cho duoc su ly nen bang coc be tong

Kết cấu các công:

### 3.1. Tuyến kênh Cái Cái:

- Nạo vét tuyến kênh hiện có dài 16.468m/tổng chiều dài toàn tuyến là 19.668m theo các chỉ số:

T T	Tên kênh	Chiều dài (m)	Chiều rộng đáy (m)	Cao trình đáy (m)	Hệ số mái kênh
1	$K_0 \div K_{1+600}$	1.600	20	-3,0 ÷ -4,0	2,0
2	$K_{4+800} \div K_{14+500}$	9.800	20	-3,0 ÷ -4,0	2,0
3	$K_{14+500} \div K_{19+668}$	5.168	30	-3,0 ÷ -4,0	2,0

- Đất nạo vét đắp san nền tạo thành các cụm khu dân cư tránh lũ, Cao trình đất đắp nền từ + 5,5 đến +6,5m.

- Xây dựng 04 cầu giao thông qua kênh bằng BT và làm đường dẫn lên cầu, cụ thể:

+ Cầu Long Sơn Ngọc: Tải trọng 0,5HL93; 6 nhịp I65L18m và 01 nhịp I114L24,54m; khổ thông thuyền 20m, cao trình đáy dầm khổ thông thuyền +8,06 m; nhịp giữa bờ mặt rộng 7 m, nhịp biên bờ mặt rộng 4,0 m. Trụ cầu bằng BTCT M30 đổ tại chỗ trên hệ cọc dài 28 m, kích thước 30x30 cm và 35x35cm.

+Cầu Bàu Lức: Tải trọng 0,5HL93; 4 nhịp I65L18m và 01 nhịp I114L24,54m; khổ thông thuyền 20m, cao trình đáy dầm khổ thông thuyền +7,84 m; nhịp giữa bờ mặt rộng 7 m, nhịp biên bờ mặt rộng 4,0m. Trụ cầu bằng BTCT M30 đổ tại chỗ trên hệ cọc dài 28 m, kích thước 30x30 cm và 35x35cm.

+ Cầu Cả Tráp 2: Tải trọng 0,5HL93; 2 nhịp I40L9m và 01 nhịp I50L15m; khổ thông thuyền 12m, cao trình đáy dầm khổ thông thuyền +5,916m; mặt cầu rộng 4m. Trụ cầu bằng BTCT M30 đổ tại chỗ trên hệ cọc dài 20,8 ÷ 23,6 m, kích thước 30x30 cm.

+ Cầu Cả Tráp 3: Tải trọng 0,5HL93; 3 nhịp I50L15 m; khổ thông thuyền 12m, cao trình đáy dầm khổ thông thuyền +5,938 m; mặt cầu rộng 4m. Trụ cầu bằng BTCT M30 đổ tại chỗ trên hệ cọc dài 20,8 ÷ 23,6 m, kích thước 30x30 cm.

tuyến là 32.263m theo các chỉ số:

- Nào vét, tốn bù tuyến kẽnh hién có dài 12.300m/tổng chiều dài toàn

#### 8.4. Tuyến kẽnh Khảng Chien:

ngầm, tuyến Tân Hồng 12 cõng ngầm.

- Nòng Ø3 cõng hở và 17 cõng ngầm; tuyến Thành Bình Ø1 cõng hở và 16 cõng Ø100-Ø150cm (Thị xã Hồng Ngự Ø3 cõng hở và 10 cõng ngầm, tuyến Tân trung do: Ø7 cõng hở, bể rồng dày B = 2,0-5,0m; 55 cõng ngầm, kích thước - Xây dựng 62 cõng diều tiết bàng BTCT cao trinh dày cõng -1,0 m,

$t_1 + 4,0 \text{ m} \div + 5,5 \text{ m}$  và bể rồng bù từ 4,0 m  $\div 6,0 \text{ m}$ .

+ Đoạn bù tâ K<sub>7+000</sub>  $\div$  K<sub>29+966</sub> dài 22.966m; cao trinh đinh bù

$t_1 + 4,0 \text{ m} \div + 6,5 \text{ m}$  và bể rồng bù từ 3,0 m  $\div 6,0 \text{ m}$ ;

+ Đoạn bù htru' doan tâ K<sub>0</sub>  $\div$  K<sub>7+000</sub> dài 7.000m; cao trinh đinh bù

- Đất nào vét đất bù bao kết hợp làm duong giao thon:

3,0m; bể rồng dày kẽnh từ 10,0  $\div$  13,0 m và hé só mai kẽnh m = 1,5.

- đến đầu kẽnh Đôc Vang Hả dài 29.966 m theo chỉ số: cao trinh dày kẽnh -

- Nào vét toàn tuyến kẽnh Thông Nhất từ kẽnh Tân Thành - Lô Gácch

#### 8.3. Tuyến kẽnh Thông Nhât:

cõng ngầm; tuyến Tân Hồng 10 cõng ngầm.

- Ø100cm (tuyến Tân Hồng 06 cõng ngầm; tuyến Tân Nòng Ø5 cõng hở và 06 trung do: Ø5 cõng hở, bể rồng dày B = 2,5m; 22 cõng ngầm, kích thước - Xây dựng 27 cõng diều tiết bàng BTCT cao trinh dày cõng -1,0m,

T	Tren kẽnh	Chieu dai	He so mai	Cao trinh	Chieu dai	Chieu dai	Bo kẽnh kết hợp bù bao	
1	K <sub>0</sub> $\div$ K <sub>7+670</sub>	7.670	10	-3,0	2,0	+4,0 $\div$ +6,0	3,0 $\div$ 6,0	Bù Tâ
2	K <sub>27+100</sub> $\div$ K <sub>37+370</sub>	10.270	10	-3,0	2,0	+4,0	4,0 $\div$ 6,0	Bù htru'

tuyến là 37.370m theo các chỉ số:

- Nào vét, tốn bù tuyến kẽnh hién có dài 17.940m/tổng chiều dài toàn

#### 8.2. Tuyến kẽnh Tân Cõng Chii - Đôc Vang Hả:

dày cõng từ -0,5m đến +0,0m.

- Xây dựng 05 cõng ngầm bàng BTCT, kích thước Ø100cm; cao trinh

TT	Tên kênh	Chiều dài (m)	Chiều rộng đáy (m)	Cao trình đáy (m)	Hệ số mái kênh	Bờ kênh kết hợp bờ bao		
						Cao trình đỉnh (m)	Chiều rộng bờ bao (m)	Loại bờ
1	$K_0 \div K_{4+610}$	4.610	10	-3,0	1,5	+5,0	3,0÷5,0	2 bờ
2	$K_{4+610} \div K_{12+300}$	7.690	10	-3,0	1,5	+5,0	2,0÷5,0	2 bờ

- Xây dựng 43 công điêu tiết bằng BTCT cao trình đáy công -1,0 m, trong đó: 09 công hở, bờ rộng đáy B = 2,5 m; 34 công ngầm, kích thước Ø100cm (*Thị xã Hồng Ngự 04 công hở và 16 công ngầm; huyện Tam Nông 05 công hở và 18 công ngầm*).

#### **IV. Tiêu dự án Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự**

### **1. Mục tiêu:**

Chống xói lở bờ sông Tiền; bảo đảm an toàn, ổn định lâu dài cho trên 10.000 hộ dân cư đang sinh sống trong khu vực Thị trấn Thường Thới Tiền và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## 2. Các chỉ tiêu thiết kế của công trình

Cấp công trình: cấp IV

### **3. Các hạng mục công trình được duyệt:**

Tuyến kè bờ tả sông Tiền kết hợp đường giao thông bảo vệ khu vực Thường Phước II và xã Thường Thới Tiền dài 3.225m: Dùng đất đắp tạo khuôn đường và mái kè, mái đường m=2, mái kè m=2,5; phần nền đường được bơm cát đầm đến cao trình +5,5m.

- Kết cấu kè:

- + Tường đinh kè bằng BTCT M25 (*kè đứng, cao 2m, cao trình đinh +5,8m, cao trình đáy +3,4m, bán đáy rộng 1,5m*) nằm trên hai hàng cọc BTCT M30 kích thước (0,3 x 0,3 x 11,7)m, khoảng cách 2m/cọc.
  - + Gia cố cơ kè tại cao trình +4,6m và mái kè tới dầm BTCT M25 đỡ chân mái (tại cao trình +0,26m) nằm trên hệ cọc BTCT M30 kích thước (0,3x0,3x11,7)m, khoảng cách 5m/cọc bằng tấm BTCT đúc sẵn M20 trên lớp dầm lót dày 10cm, vải địa kỹ thuật; Cơ tại cao trình +0,26m bề rộng 1,5m được lắp ghép bằng rọ đá bọc PVC kích thước (1,5x1,0x0,5)m; Phía dưới cơ được gia cố bằng thảm đá kích thước (3x10x0,5)m.

Bánh gác tinh hinh lù lút và dẽ xuất các bìen pháp công trình và phi công  
puocha nhám dày mènh phat trien kinh te - xâ hoi o cac vung bi anh huong.  
vùi lùi tè quan lý và bìau lùy rùi ro do lùi lút xuyen bìen giot Việt Nam - Cam

### 1. Mục tiêu:

II. Tiêu chí am: Quán lý lù train bìen giot Campuchia - Việt Nam.

- Uoc tinh các chi phi cho các bìen pháp công trình (co so ha tang) duoc  
thuc hien khi su dung các tiêu chuẩn thiet ke giam thieu lù va han.

- Xay dung các tiêu chuẩn thiet ke cac he thong giam thieu tri ro lù va  
han o dong bang song Chu Long, moi quan he giam cac tiêu chuẩn bao ve, tri  
ro qua lù va han

- Xay dung các tiêu chuẩn thiet ke cac he thong giam thieu tri ro lù va  
do qua tri ro, hiem hona qua lù va han voi cac tiêu chuẩn hien hanh.

- Bánh gác các tri ro qua lù va han hien tai bang cach so sanh cac muc

nguong va xam nhep man o ha ngeon.  
dong chay kiet, kh bi anh huong cuu vien su dung va dieu tieu muc o thuong  
Xem xet che do kiet tuong - tuy van cuu bang song Me Cong dac biet la  
khac nhau cuu bang song Chu Long (su dung cac mo hinh tinh toan);

- Bánh gác dung tri ro, muc do kiem soat lù va han (tan sua) o cac vung

### 2. Nội dung:

I. Mục tiêu: Xay dung tiêu chuẩn thiet ke cac cong trinh kiem soat lù va han  
o dong bang song Chu Long. Tieu chuan nay la mot tai lieu se duoc su dung  
lam cac tiêu chuẩn thiet ke (tham kha) cho cac cong trinh kiem soat lù va  
han o dong bang song Chu Long, kien soat lù va han

I. Tiêu chí am: Lắp chi dàn thiet ke cac cong trinh kiem soat lù va han o  
DBSC1

### B. Hop phan phi cong trinh:

ngang duong.

+ Doc tuyen bo tri he thong cong thoat muc: Cong hop (0,5x0,6)m  
bang BCT M25; khoang cach 150m bo tri cong thoat muc phi 80cm

+ Vé cong trinh 12m rong co chong xo.

+ Ket cau via he: Cao tinh +5,8m lat gach be tong mau (30x30x5cm),  
rong 5m, khoang cach cac ben cay boong mat 25m/bon; luu khong bao

+ Mat duong: Cao tinh tim +5,6m, do doc ngang 2%, mong da cap  
phi day 65cm, met be tong nhura nong day 10cm.

- Phan duong gioao thong:

+ Doc tuyen ke bo tri cac cau ben rong 5m, khoang cach 150m/ben.

## **2. Nội dung:**

- Tổng hợp, đánh giá các kịch bản chống lũ khác nhau ở cả hai phía biên giới đã từng được nghiên cứu.

- Đề xuất các công trình để chuyển nước lũ từ sông Mê Công ra Vịnh Thái Lan (*Trong Quy hoạch tổng thể Đồng bằng sông Mê Công (NEDECO, 1993) đã xem xét việc chuyển dòng ở vùng biên giới Tân Châu – Châu Đốc – Vịnh Thái Lan; Quy hoạch kiểm soát lũ để phát triển Đồng bằng sông Mê Công (KOICA, 2000) đã xem xét phương án chuyển dòng từ Tà Keo ra Vịnh Thái Lan*).

## **III. Tiêu dự án: Quản lý rủi ro lũ lụt và hạn hán dựa vào cộng đồng (CBFDRM) cho các xã được lựa chọn trong vùng dự án.**

### **1. Mục tiêu:**

Nhằm tăng cường năng lực của các ấp, các xã và các đơn vị chịu trách nhiệm trong công tác quản lý lũ và hạn, công tác lập kế hoạch, nhu cầu dài hạn và ngắn hạn có sự tham gia của nhân dân, cho các xã được lựa chọn trong vùng dự án.

### **2. Nội dung:**

- Phân tích và đánh giá rủi ro của lũ và hạn; ưu tiên xác định và thực hiện các biện pháp quản lý các rủi ro.

- Xây dựng, sử dụng và cập nhật các kế hoạch của ấp và xã an toàn.

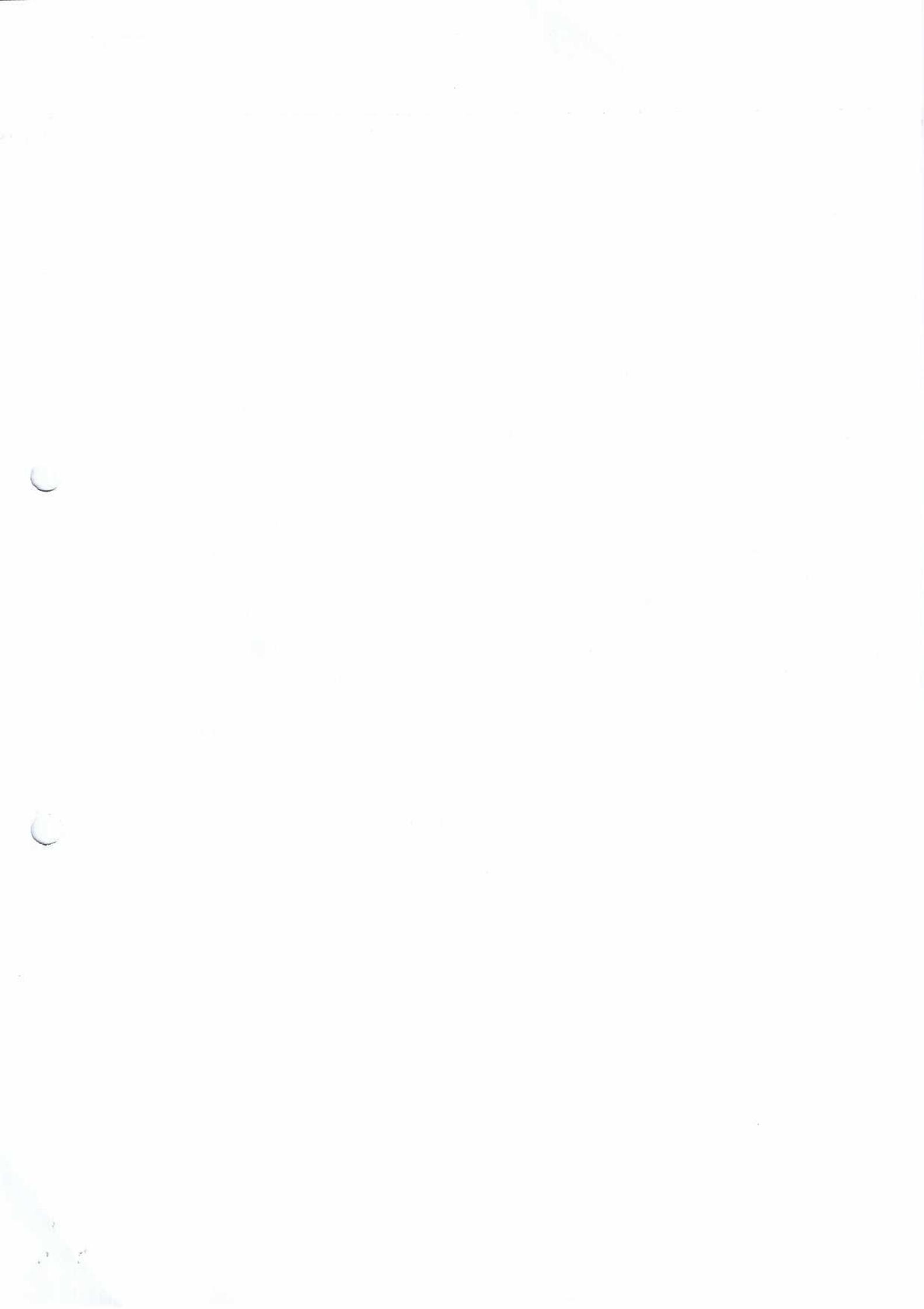
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các rủi ro của lũ lụt và hạn hán ở tất cả các cộng đồng đã lựa chọn.

- Hình thành Ban điều phối CBFDRM xã, để quản lý việc thực hiện chương trình CBFDRM.

- Hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Ban điều phối xã.

- Giúp đỡ việc lập kế hoạch, thực hiện các chiến lược giảm rủi ro ở các xã tham gia.

- Hình thành một mô hình CBFDRM và dự kiến mở rộng một quy mô rộng lớn hơn ở Đồng Tháp Mười thuộc đồng bằng sông Cửu Long.





**PHỤ LỤC 2: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án Quản lý và giám nhẹ rủi ro hạn hán và lũ lụt Tiểu vùng sông Mê công mở rộng**

(Kèm theo Quyết định số 3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: VNĐ: Triệu đồng; USD: 1.000 USD

STT	Hạng mục	Vốn ADB	Tỷ lệ %	Vốn AUSAID	Tỷ lệ %	Vốn đối ứng					Kinh phí		
						TU'	Tỷ lệ %	TG	Tỷ lệ %	ĐT	Tỷ lệ %	VND	USD (1.000)
A	HỢP PHẦN CÔNG TRÌNH	826.217						89.086		147.790		1.063.093	50.623
I	Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rì - Phú An	273.219						62.232				335.451	15.974
1	Xây lắp	205.188	90					22.799	10			227.987	10.857
2	Đèn bù và tái định cư	11.642	47					13.128	53			24.770	1.180
3	Tư vấn							13.088	100			13.088	623
4	Chi khác							6.472	100			6.472	308
5	Quản lý dự án	3.910						376				4.286	204
	Quản lý và vận hành	6.740	90					749	10			7.489	357
7	Dự phòng	45.740						5.620				51.360	2.446
II	Nâng cấp HT kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công	115.246						26.855				142.101	6.767
1	Xây lắp	80.251	90					8.917	10			89.168	4.246
2	Đèn bù và tái định cư	8.600	47					9.698	53			18.297	871
3	Tư vấn							4.422	100			4.422	211
4	Chi khác							2.146	100			2.146	102
5	Quản lý dự án	3.910						376				4.286	204
6	Quản lý và vận hành	3.325	90					369	10			3.694	176
7	Dự phòng	19.160						926				20.087	957
III	Cải tạo, nâng cấp HT kênh trực tiêu thoát lũ và cung cấp nước tưới cho vùng Đồng Tháp Mười	243.155								70.852		314.007	14.953
1	Xây lắp	165.271	90							18.363	10	183.635	8.745
2	Đèn bù và tái định cư	21.740	47							24.515	53	46.255	2.203
3	Tư vấn									10.286	100	10.286	490
4	Chi khác									8.119	100	8.119	387
5	Quản lý dự án	3.910								376		4.286	204
6	Quản lý và vận hành	6.740	90							749	10	7.489	357
7	Dự phòng	45.494								8.444		53.939	2.569
IV	Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực thị trấn Thường Thới Tiền	194.597								76.938		271.535	12.930
1	Xây lắp	154.690	90							17.188	10	171.878	8.185
2	Đèn bù và tái định cư	10.016	47							11.295	53	21.311	1.015
3	Tư vấn									6.080	100	6.080	290
4	Chi khác									22.481	100	22.481	1.071
5	Quản lý dự án	3.910								376		4.286	204
6	Quản lý và vận hành	4.886	90							543	10	5.429	259
7	Dự phòng	21.095								18.976		40.070	1.908

STT	Hàng mèo	Vն	ADB	Tỷ lệ %	Vն	AUSAID	Tỷ lệ %	TU	Tỷ lệ %	TG	Tỷ lệ %	ĐT	Tỷ lệ %	VND	USD	Kinh phí (1.000đ)
B	HỘP PHAN PHI CÔNG TRINH		110.632	8.571										119.203	5.676	
1	Lắp chí đầm TK các CT Kiem soat lối vào hàn ô		11.296	100										11.296	538	
II	Quần lý lối train bien giới VN-CPC		13.291	100										13.291	633	
III	Xây dựng lăng xã an toàn tren ca sô quan lý riu do lú lút và hàn han lát vía vào Vào cống đoòng cho các xâ đúc lúa chôn trong vùng dù an		72.996	6.887										79.883	3.804	
1	Chí phết tr ván + xay lắp		61.982	90	6.887	10.0								68.868	3.279	
2	Chí phết quan lý		11.015	100										11.015	525	
IV	Đv phỏng		13.049	1.684										14.734	700	
C	HỘ TỐ TÀNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ DU AN		82.782	3.818	37.212									123.812	5.896	
1	Quản lý thíc hiên dù an		31.563		25.502									57.065	2.717	
II	Tu ván quíc tê hò tó kỵ		40.213	93.1	2.984	6,9								43.197	2.057	
III	Quản lý thíc hiên dù an		31.563		25.502									57.065	2.717	
1	Chí phi quan lý chung (Luong, cồng tac phi, di lại, hoi hop, hoat dong ván phong...)		14.175	48,9	14.820	51,1								28.995	1.381	
2	Mua sám 6 tâ vâ thiêt bi van phong		2.268	90	252	10								2.520	120	
III	Thuê ván phong lam việc cho Tu ván quíc tê vâ Ban quân ly dù an trung tonng		7.560	90	840	10								8.400	400	
4	Chuan bi ke hocch tâ dinh cur va ke hocch tâ dinh truong				6.300	100								6.300	300	
5	Giam sat tai dinh cur		3.780	90	420	10								4.200	200	
6	Giam sat moi truong		2.835	90	315	10								3.150	150	
7	Giam sat cac tac docng khac		945	90	105	10								1.050	50	
III	Dv phong		11.006		834	11.710								23.550	1.121	
9	Tông (A+B+C)		908.999		45.783	89.086								1.306.108	62.196	
hien	Lai suât tong qua tinh thíc		36.002											36.002	1.714	
	Tông (VND)		945.000		114.450	89.086								1.342.110	63.910	
	Tông (USD)		45.000		5.450	2.180								63.910		

**PHỤ LỤC KINH PHÍ**

Tiểu dự án Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài - Phú An - tỉnh Tiền Giang  
 Dự án Quản lý và giảm nhẹ rủi ro hạn hán và lũ lụt Tiểu vùng sông Mê công mở rộng  
 (Kèm theo Quyết định số 3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: 1.000 đồng

S T T	Hạng mục	Kinh phí	Tỷ lệ		Vốn vay ADB	Vốn đồi ứng TG
			ADB	TG		
I	<b>Chi phí xây dựng + thiết bị</b>	<b>227.986.500</b>			<b>205.187.850</b>	<b>22.798.650</b>
1	Xây dựng hệ thống cống	227.986.500	90	10	205.187.850	22.798.650
II	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>13.088.258</b>				<b>13.088.258</b>
1	Khảo sát và chi phí lập DAĐT	495.392		100		495.392
2	Khảo sát và chi phí lập TKBVTC	9.561.067		100		9.561.067
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC-TDT	284.850		100		284.850
4	Chi phí lập HSMT, PT đánh giá HS DT	99.078		100		99.078
5	Chi phí giám sát thi công	2.204.495		100		2.204.495
6	Chi phí lập báo cáo kế hoạch đền bù tái định cư	173.387		100		173.387
7	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	173.387		100		173.387
8	Hạng mục khác	96.601		100		96.601
III	<b>Chi phí quản lý dự án (PMU)</b>	<b>4.286.100</b>			<b>3.909.990</b>	<b>376.110</b>
	- Tổ chức quản lý dự án	3.393.600	90	10	3.054.240	339.360
	- Mua xe ô tô	525.000	100		525.000	0
	- Trang thiết bị	367.500	90	10	330.750	36.750
IV	<b>Chi phí khác</b>	<b>6.472.200</b>				<b>6.472.200</b>
1	Lệ phí thẩm định Dự án đầu tư	25.200		100		25.200
2	Lệ phí thẩm định TKCS	25.200		100		25.200
3	Chi phí bảo hiểm	1.732.500		100		1.732.500
4	Chi phí kiểm toán dự án hoàn thành	495.600		100		495.600
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	174.300		100		174.300
6	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	512.400		100		512.400
7	Chi phí khác	3.507.000		100		3.507.000
V	<b>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư</b>	<b>24.769.500</b>	47	53	<b>11.641.665</b>	<b>13.127.835</b>
VI	<b>Quản lý và vận hành</b>	<b>7.488.600</b>	90	10.	<b>6.739.740</b>	<b>748.860</b>
VII	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>51.359.700</b>			<b>45.740.100</b>	<b>5.619.600</b>
	<b>Tổng</b>	<b>335.450.858</b>			<b>273.219.345</b>	<b>49.143.255</b>

PHỤ TÙC KINH PHI

*Đơn vị: 1.000 đồng*

*(nghiệp và Phát triển nông thôn)*

(Kem theo Quyết định số 3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông

Tieu du' an Nang cap HT kem soat xam heap meah vung Go Cong - minh tien ghang

**PHỤ LỤC KINH PHÍ**

**Tiểu dự án Cải tạo, nâng cấp HT kênh trực tiêu thoát lũ và cung cấp nước tưới cho Vùng Đồng Tháp Mười - tỉnh Đồng Tháp**

**Dự án Quản lý và giảm nhẹ rủi ro hạn hán và lũ lụt Tiểu vùng sông Mê công mở rộng**

(Kèm theo Quyết định số 3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: 1.000 đồng

S T T	Hạng mục	Kinh phí	Tỷ lệ		Vốn vay ADB	Vốn đối ứng ĐT
			ADB	ĐT		
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng + thiết bị</b>	<b>183.634.500</b>			<b>165.271.050</b>	<b>18.363.450</b>
1	Nạo vét kênh và các hạng mục trên kênh	183.634.500	90	10	165.271.050	18.363.450
<b>II</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>10.285.800</b>				<b>10.285.800</b>
1	Khảo sát và chi phí lập DAĐT	2.440.200		100		2.440.200
2	Khảo sát và chi phí lập TKBVTC	5.149.200		100		5.149.200
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC-TDT	180.600		100		180.600
4	Chi phí lập HSMT, PT đánh giá HS DT	207.900		100		207.900
5	Chi phí giám sát thi công	1.770.300		100		1.770.300
6	Chi phí lập báo cáo kế hoạch đền bù tái định cư	176.400		100		176.400
7	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	216.300		100		216.300
8	Hạng mục khác	144.900		100		144.900
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án (PMU)</b>	<b>4.286.100</b>			<b>3.909.990</b>	<b>376.110</b>
	- Tổ chức quản lý dự án	3.393.600	90	10	3.054.240	339.360
	- Mua xe ô tô	525.000	100		525.000	0
	- Trang thiết bị	367.500	90	10	330.750	36.750
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>8.118.600</b>				<b>8.118.600</b>
1	Lệ phí thẩm định Dự án đầu tư	29.400		100		29.400
2	Lệ phí thẩm định TKCS	29.400		100		29.400
3	Chi phí bảo hiểm	1.264.200		100		1.264.200
4	Chi phí kiểm toán dự án hoàn thành	485.100		100		485.100
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	329.700		100		329.700
6	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	3.551.100		100		3.551.100
7	Chi phí khác	2.429.700		100		2.429.700
<b>V</b>	<b>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư</b>	<b>46.254.600</b>	<b>47</b>	<b>53</b>	<b>21.739.662</b>	<b>24.514.938</b>
<b>VI</b>	<b>Quản lý và vận hành</b>	<b>7.488.600</b>	<b>90</b>	<b>10</b>	<b>6.739.740</b>	<b>748.860</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>53.938.500</b>			<b>45.494.400</b>	<b>8.444.100</b>
	<b>Tổng</b>	<b>314.006.700</b>			<b>243.154.842</b>	<b>70.851.858</b>

S T T	Hàng mực	Kính Phí	Vận đội	ĐT	ADB	Vận Vay	Đơn vị: 1.000 đồng
I	Chi phí xây dựng + thiết bị	171.878.143		154.690.329	17.187.814		1
II	Chi phí tr vấn	6.080.455					II
III	Chi phí lắp đặt	1.191.273	100				1
IV	Khảo sát và chi phí lắp TKBVT	2.569.636	100				2
V	Chi phí lắp tra TK BVTC-TDT	200.455	100				3
VI	Chi phí lắp HSMT, PT đanh giá HS DT	89.727	100				4
VII	Chi phí giám sát thi công	1.664.727	100				5
VIII	Chi phí lắp bao cáo kẽ hõa ch đến bù tai	97.364	100				6
IX	đinh cu	97.364	100				7
X	Chi phí lắp bao cáo đanh gía tách dòong mồi	131.727	100				7
XI	trường						
XII	Hang mực khác	135.545	100				8
XIII	Chi phí quản lý dù án (PMU)	4.286.100					9
XIV	- Tô chèc quản lý dù án	3.393.600	90	10	3.054.240	339.360	10
XV	- Mua xe ô tô	525.000	100				11
XVI	- Trang thiết bị	367.500	90	10	330.750	36.750	12
XVII	Chi phí thám dính TKCS	21.000	100				13
XVIII	Lé phí thám dính Dụ án đấu tr	21.000	100				14
XIX	Chi phí trả thám Dụ án đấu tr	21.000	100				15
XXX	Chi phí bảo hiểm	1.005.900	100				16
XXXI	Chi phí kiểm toán dù án hoàn thành	436.800	100				17
XXXII	Chi phí thám tra phe duyết quyết toán	144.900	100				18
XXXIII	Chi phí trả bom mìn, vật liệu	569.100	100				19
XXXIV	Chi phí kinh phí khác	20.281.800	100				20
XXXV	đinh cu	10.016.076	53	47	21.310.800	11.294.724	21
XXXVI	Quản lý và vận hành	4.885.650	90	10	5.428.500	542.850	22
XXXVII	Chi phí duy trì	21.094.500			40.070.100	18.975.600	23
XXXVIII	Tổng				271.534.598	194.596.545	76.938.053

(Kem theo Quyết định số 3000/QĐ-BNN-TCTL ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông

Dự án Quản lý và giám sát rõ ràng bùn đất lát lót Tiled ván gỗ sồi Mè công nghệ rỗng  
Tiled dự án Ké chõng xít lát bùn Tiled khu vực thi công Tháp Tháp - thi công Tháp